

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

D- ONG THỊ MAI

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG
NHU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
Mã số : 60 38 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình đã được hoàn thành

tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. D- ong Đức Chính

Phản biện 1:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Phản biện 2:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Luận văn đ- ọc bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

MỞ ĐẦU

1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

6

1.1. Khái niệm và đặc điểm nhà nước pháp quyền

6

1.1.1. Khái niệm

6

1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền

6

1.2. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

9

1.2.1. Khái niệm

9

1.2.2. Xây dựng Nhà nước pháp quyền là một tất yếu, bắt nguồn từ chính lịch sử xây dựng và phát triển nước ta

11

1.2.3. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

12

1.3. Hệ thống pháp luật, vai trò và vị trí của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền

24

1.3.1. Khái niệm hệ thống pháp luật

24

1.3.2. Vị trí, vai trò của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền

27

1.4. Những yêu cầu cơ bản của hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

28

1.4.1. Yêu cầu về tính toàn diện của hệ thống pháp luật

28

1.4.2. Yêu cầu về tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật

29

1.4.3. Yêu cầu về tính ổn định (tính phù hợp) của hệ thống pháp luật

32

1.4.4. Yêu cầu về ngôn ngữ và kỹ thuật lập pháp

33

1.4.5. Yêu cầu về tính áp dụng của hệ thống pháp luật

34

1.4.6. Một số yêu cầu khác

36

Chương 2: THỰC TIỄN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

38

2.1. Hệ thống pháp luật Việt Nam

38

2.1.1. Ngành Luật nhà nước (còn gọi là luật Hiến pháp)

38

2.1.2. Ngành Luật Hành chính

39

2.1.3. Ngành Luật Tài chính

39

2.1.4. Ngành Luật Đất đai

40

2.1.5. Ngành Luật Dân sự

40

2.1.6. Ngành Luật lao động

40

2.1.7. Ngành Luật hôn nhân và gia đình

41

2.1.8. Ngành Luật hình sự

41

2.1.9. Ngành Luật tố tụng hình sự

41

2.1.10. Ngành Luật Tố tụng dân sự

42

2.1.11.	Ngành Luật kinh tế	42
2.2.	Hệ thống pháp luật quốc tế	42
2.3.	Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam giai đoạn hiện nay	43
2.3.1.	Thực trạng về tính toàn diện của hệ thống pháp luật	43
2.3.2.	Thực trạng về tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật	48
2.3.2.1.	Văn bản pháp luật có nội dung mâu thuẫn, không thống nhất, thiếu đồng bộ	49
2.3.2.2.	Về hình thức của các văn bản pháp luật vẫn chưa thống nhất đồng bộ	62
2.3.3.	Thực trạng về tính phù hợp (ổn định) của hệ thống pháp luật	63
2.3.4.	Thực trạng về tính áp dụng pháp luật	68
2.3.5.	Nguyên nhân của thực trạng	72
	Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY	78
3.1.	Một số dự báo tình hình kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật giai đoạn 2011 - 2020	78
3.1.1.	Tình hình thế giới	78
3.1.2.	Tình hình trong nước	78
3.2.	Một số định hướng và giải pháp tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền trong giai đoạn hiện nay	81
3.2.1.	Định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật	81
3.2.1.1.	Một số giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật đáp ứng yêu cầu tính toàn diện, tính đồng bộ và thống nhất, tính phù hợp của pháp luật	81
3.2.1.2.	Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng pháp luật	98
3.2.2.	Định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu tính áp dụng của hệ thống pháp luật	103
3.2.2.1.	Nâng cao chất lượng và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong quá trình áp dụng pháp luật	103
3.2.2.2.	Tiếp tục triển khai mạnh mẽ và thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường năng lực tiếp cận của nhân dân đối với hệ thống pháp luật	106
3.2.2.3.	Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và áp dụng pháp luật, xử lý nghiêm minh mọi vi phạm pháp luật	108
3.2.2.4.	Củng cố các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác để hỗ trợ cho pháp luật	110
	KẾT LUẬN	112
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	115

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

- Về mặt lý luận:

Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam đã được Đại hội đại biểu Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX khẳng định: "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp" Theo tinh thần đó, Điều 2 Hiến pháp Việt Nam năm 1992 sửa đổi năm 2001 quy định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp".

Việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam là một quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi của đất nước, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị và truyền thống dân chủ của nước ta. Đồng thời, phải đảm bảo tuân thủ những nguyên tắc, giá trị có tính phổ biến, được thừa nhận chung trong tất cả các nhà nước pháp quyền; đảm bảo nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng gắn với một xã hội công dân, một xã hội dân sự, thừa nhận vị trí tối thượng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội. Do đó, vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một vấn đề quan trọng, cơ bản, góp phần xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Về mặt thực tiễn:

Trong những năm qua, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan nên hệ thống pháp luật của chúng ta vẫn chỉ từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, hạn chế trong công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong hoạt động kiểm tra, giám sát, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; trong công tác tổ chức và thực hiện

pháp luật cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ làm công tác ban hành văn bản pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, chất lượng và hiệu quả của hệ thống pháp luật nói chung trong quá trình điều tiết xã hội chưa cao. Mặt khác, nước ta đang từng bước hoàn thiện xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống pháp luật là một tất yếu khách quan.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn trên, tác giả đã chọn đề tài: "***Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay***" để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đã được công bố.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu sâu về vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn rất ít, chưa được nghiên cứu kỹ, cụ thể trong từng giai đoạn phát triển. Do đó, việc nghiên cứu đề tài trên là cần thiết, hy vọng góp phần đưa ra giải pháp để hoàn thiện hệ thống pháp luật trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn xây dựng hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời gian qua để đề xuất một số giải pháp chủ yếu góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt mục đích nghiên cứu trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về nhà nước pháp quyền nói chung và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng, hệ thống pháp luật và yêu cầu của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền.

- Phân tích và đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay, chỉ ra nguyên nhân của các thực trạng đó. Xác định rõ xu hướng xây dựng pháp luật trong thời gian tới nhằm hoàn thiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ của luận văn này, tác giả tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về nhà nước pháp quyền và hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền, những yêu cầu của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền. Từ đó, xác định rõ những yêu cầu của hệ thống pháp luật trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, thực trạng hệ thống pháp luật của Việt Nam và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là tư tưởng nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền nói chung trên thế giới; dựa trên hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Cơ sở thực tiễn của luận văn là các báo cáo đánh giá về chất lượng và hiệu quả của hệ thống pháp luật, thực tiễn công tác xây dựng và thi hành pháp luật hiện nay ở nước ta.

Phương pháp luận của luận văn là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Trong khi thực hiện đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp: lịch sử, lôgic, hệ thống, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh pháp luật, điều tra xã hội...

6. Ý nghĩa của luận văn

Kết quả nghiên cứu và những đề xuất được nêu trong luận văn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy về công tác pháp luật và các cán bộ thực tiễn đang công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật...

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn được chia làm 3 chương, 09 tiết.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

1.1. Khái niệm và đặc điểm nhà nước pháp quyền

1.1.1. Khái niệm

Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, đó chỉ là những giá trị phổ biến, là biểu hiện của một trình độ phát triển dân chủ, một cách thức tổ chức nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ. Đó là một tổ chức công quyền được thành lập và hoạt động trên cơ sở pháp luật, nhằm đưa lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân, gắn liền với sự tồn tại và phát triển của xã hội công dân, thông qua hệ thống các thể chế và yêu cầu dân chủ như đề cao chủ quyền nhân dân; có cơ chế tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước khoa học và hiệu quả; dân chủ hóa đời sống nhà nước và xã hội...

1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền

- Nhà nước pháp quyền luôn đề cao chủ quyền của nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- Nhà nước pháp quyền đề cao hiến pháp và tính tối cao của hiến pháp

- Trong nhà nước pháp quyền pháp chế luôn được tăng cường

- Luật chiếm vị trí tối thượng trong đời sống nhà nước và xã hội

- Trong nhà nước pháp quyền con người là giá trị cao quý nhất, do đó sự phát triển của cá nhân con người là mục tiêu cao cả nhất.

- Trong nhà nước pháp quyền, cơ chế tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước cần có sự phân công một cách rành mạch giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp; có cơ chế kiểm soát về mặt nhà nước và xã hội trong việc thực hiện các quyền lực đó.

- Giải quyết hợp lý mối quan hệ qua lại giữa nhà nước và công dân

- Dân chủ hóa đời sống nhà nước và xã hội

1.2. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.1 Khái niệm

Điều 2 - Hiến pháp Việt Nam năm 1992 sửa đổi năm 2001 đã quy định: "*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ tri thức.*

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp".

Đối với chúng ta nói xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nói tới một phương thức tổ chức nền chính trị xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa mà mục đích không ngừng duy trì bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của nhà nước, phát huy cao độ tính dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý và điều hành.

1.2.2. Xây dựng Nhà nước pháp quyền là một tất yếu, bắt nguồn từ chính lịch sử xây dựng và phát triển nước ta

- Ngay từ khi mới thành lập, Nhà nước Việt Nam dân chủ công hòa đã và luôn là một Nhà nước hợp hiến, hợp pháp.

- Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xuất phát từ định hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta mà mục tiêu cơ bản là xây dựng một chế độ dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

- Tính tất yếu khách quan còn do xuất phát từ đặc điểm của thời đại với xu thế toàn cầu hóa.

1.2.3. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đặc trưng thứ nhất: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Đặc trưng thứ hai: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, ra sức tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp

Đặc trưng thứ ba: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội.

Đặc trưng thứ tư: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền tự do của công dân, giữ vững mối liên hệ dân chủ giữa nhà nước và công dân, giữa nhà nước và xã hội

Đặc trưng thứ năm: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, có sự

kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quyền lực nhà nước

Đặc trưng thứ sáu: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

1.3. Hệ thống pháp luật, vai trò và vị trí của hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền

1.3.1. Khái niệm hệ thống pháp luật

Hệ thống pháp luật cần được hiểu là một chỉnh thể bao gồm cả cấu trúc bên trong và hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật. Theo cách hiểu này, hệ thống pháp luật được định nghĩa là *tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản do nhà nước ban hành theo những trình tự, thủ tục và hình thức nhất định.*

Theo định nghĩa này, hệ thống pháp luật là một khái niệm chung bao gồm hai mặt trong một chỉnh thể thống nhất là hệ thống cấu trúc (bên trong) của pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (hệ thống nguồn của pháp luật).

** Hệ thống cấu trúc của pháp luật*

Hệ thống cấu trúc của pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật và các ngành luật.

Hệ thống cấu trúc có ba thành tố cơ bản ở ba cấp độ khác nhau là quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật.

- *Quy phạm pháp luật:* Quy phạm pháp luật là thành tố nhỏ nhất (tế bào) trong hệ thống cấu trúc của pháp luật, nó vừa có tính khái quát vừa có tính cụ thể.

- *Chế định pháp luật:* Chế định pháp luật bao gồm một số quy phạm có những đặc điểm chung giống nhau nhằm để điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội tương ứng. Việc xác định đúng tính chất chung của mỗi nhóm quan hệ xã hội, từ đó đề ra những quy phạm pháp luật tương ứng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng.

- *Ngành luật:* Ngành luật bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ cùng loại trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.

** Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật*

Do tính hệ thống của pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật dù rất

phong phú, đa dạng và được ban hành vào các thời điểm khác nhau nhưng đều hợp thành một hệ thống, nghĩa là giữa các văn bản đó đều có mối liên hệ mật thiết với nhau. Đối với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, khi nghiên cứu cần xem xét ở hai góc độ (hướng) là theo chiều ngang và theo chiều dọc. Xét theo chiều ngang, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với hệ thống cấu trúc của pháp luật. Nghĩa là các văn bản đó dù được hình thành như thế nào, thuộc hệ thống thang bậc giá trị nào thì suy cho cùng cũng đều phải căn cứ vào đối tượng điều chỉnh (từng loại quan hệ pháp luật) cho nên chúng hoặc là toàn bộ, hoặc là từng bộ phận đều hợp thành các chế định, các ngành luật.

1.3.2. Vị trí, vai trò của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền

- Đối với công dân, pháp luật phải mở rộng và bảo vệ tối đa các quyền của con người càng nhiều càng tốt, công dân có quyền được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm và pháp luật chỉ nên cấm những gì thật cần thiết để bảo đảm quyền tự do cho nhân dân.

- Đối với các cơ quan nhà nước, pháp luật phải quy định chặt chẽ, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn để tránh sự tùy tiện, lạm quyền.

1.4. Những yêu cầu cơ bản của hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Các tiêu chuẩn cơ bản để xác định mức độ hoàn thiện của một hệ thống pháp luật là: Tính toàn diện, tính đồng bộ và thống nhất, tính phù hợp, ngôn ngữ và trình độ kỹ thuật pháp lý, tính áp dụng của hệ thống pháp luật.

1.4.1. Yêu cầu về tính toàn diện của hệ thống pháp luật

Tính toàn diện là tiêu chuẩn đầu tiên thể hiện mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật. *Tính toàn diện của hệ thống pháp luật thể hiện ở hai cấp độ:*

Ở cấp độ chung, đòi hỏi hệ thống pháp luật phải có đủ các ngành luật theo cơ cấu nội dung lôgic và thể hiện thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương ứng.

Ở cấp độ cụ thể, đòi hỏi mỗi ngành luật phải có đủ các chế định pháp luật và các quy phạm pháp luật.

1.4.2. Yêu cầu về tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật

Tính thống nhất của pháp luật bao hàm cả tính thống nhất về cả hình thức và nội dung trong nội tại của một văn bản pháp luật. Tuy nhiên, về cơ bản, tính thống nhất về mặt nội dung luôn có vai trò quyết định.

- Về mặt nội dung, tính thống nhất được hiểu là cùng một lĩnh vực hay cùng một đối tượng điều chỉnh thì các quy phạm pháp luật phải thống nhất với nhau và

không có mâu thuẫn giữa các quy phạm pháp luật đó trong một văn bản.

Về mặt hình thức, đối với một văn bản pháp luật, tính thống nhất thể hiện ngay trong cơ cấu của nó. Cơ cấu của một văn bản pháp luật phải thể hiện được mối liên hệ lôgic giữa các phần, chương, mục, điều, khoản, điểm với cách trình bày, cách đánh số thứ tự thống nhất.

- Tính đồng bộ thể hiện sự thống nhất không mâu thuẫn, không trùng lặp, chồng chéo giữa các văn bản pháp luật với nhau về cả nội dung và hình thức.

Tính đồng bộ của văn bản pháp luật được biểu hiện theo hai trục như sau: trục ngang và trục dọc.

+ Trục ngang có nghĩa là các văn bản của cùng một cơ quan ban hành và cơ quan ngang cấp không được mâu thuẫn, chồng chéo với nhau.

+ Trục dọc có nghĩa là văn bản của cơ quan cấp dưới không được mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản do cấp trên ban hành.

- Tính đồng bộ và thống nhất có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít và biện chứng lẫn nhau.

- Các yêu cầu cơ bản để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay là:

Thứ nhất, về mặt nội dung, các văn bản pháp luật được ban hành phải thống nhất và đồng bộ với nhau.

Thứ hai, các văn bản pháp luật phải tuân thủ các tiêu chuẩn tính thống nhất và đồng bộ về mặt hình thức của văn bản.

Thứ ba, văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành phải đảm bảo yêu cầu thống nhất thứ bậc sự phù hợp giữa các văn bản pháp luật của cấp dưới so với các văn bản của cơ quan cấp trên.

1.4.3. Yêu cầu về tính ổn định (tính phù hợp) của hệ thống pháp luật

Yêu cầu của tính ổn định của pháp luật thể hiện ở chỗ: hệ thống pháp luật được hình thành do nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng chúng phát triển theo một trật tự mà Nhà nước mong muốn thiết lập. Chức năng điều chỉnh của pháp luật chỉ có thể được thực hiện khi luật pháp được xây dựng phù hợp với những điều kiện cụ thể của xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Do vậy, trình độ của hệ thống pháp luật không thể cao hơn hoặc thấp hơn trình độ phát triển của kinh tế - xã hội.

1.4.4. Yêu cầu về ngôn ngữ và kỹ thuật lập pháp

Kỹ thuật pháp lý là một vấn đề rộng lớn, phức tạp trong đó có ba điểm quan trọng, cần thiết phải chú ý khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật là:

Một là, kỹ thuật pháp lý thể hiện ở những nguyên tắc tối ưu được vạch ra để áp dụng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

Hai là, trình độ kỹ thuật pháp lý thể hiện ở việc xác định chính xác cơ cấu của pháp luật.

Ba là, cách biểu đạt bằng ngôn ngữ pháp lý phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo tính cô đọng, lôgic, chính xác và một nghĩa.

1.4.5. Yêu cầu về tính áp dụng của hệ thống pháp luật

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật (thực hiện pháp luật gồm các hình thức: tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật), trong đó, nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước hoặc nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể. Trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền cần đảm bảo tính áp dụng pháp luật, thể hiện ở chỗ:

- Việc áp dụng pháp luật phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản, đó là: Khi áp dụng pháp luật phải có căn cứ, lý do xác đáng; áp dụng pháp luật đúng, chính xác, công bằng; phải đảm bảo nguyên tắc pháp chế trong áp dụng pháp luật; việc áp dụng pháp luật phải phù hợp với mục đích đề ra; việc áp dụng pháp luật phải bảo đảm tính hiệu quả trong áp dụng pháp luật.

- Việc áp dụng pháp luật phải đảm bảo quy trình chặt chẽ, chính xác mà pháp luật đã quy định. Thông thường cần tuân thủ các giai đoạn sau: Phân tích đánh giá đúng, chính xác các tình tiết, hoàn cảnh, điều kiện của sự việc thực tế đã xảy ra; lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và phân tích làm rõ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật đối với trường hợp cần áp dụng; ban hành quyết định áp dụng pháp luật; tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật đã có hiệu lực.

1.4.6. Một số yêu cầu khác

- *Tính chuẩn mực*, tức là tính quy phạm của pháp luật. Bản thân pháp luật là hệ thống các quy phạm, tức là các chuẩn mực. Giá trị của pháp luật chính là tạo ra các chuẩn mực cho các chủ thể khác nhau trong đời sống xã hội. Nếu pháp luật không chứa đựng các chuẩn mực thì ý nghĩa của nó trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội không lớn.

- *Không hồi tố.* Bảo đảm không hồi tố là một trong những đòi hỏi của pháp luật trong nhà nước pháp quyền. Giá trị nhân đạo của yêu cầu không hồi tố thể hiện ở chỗ không thể bắt một cá nhân phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi mà khi thực hiện người đó không thể biết rằng trong tương lai đó sẽ là hành vi vi phạm pháp luật.

- *Tính minh bạch.* Tính minh bạch của pháp luật là một đòi hỏi rất quan trọng. Tính minh bạch của pháp luật thể hiện ở sự minh xác, sự minh định, tính hệ thống và nhất quán.

Chương 2

THỰC TIỄN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.1. Hệ thống pháp luật Việt Nam

Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm tập hợp của các ngành luật, trong đó mỗi ngành luật là một hệ thống nhỏ gồm các chế định pháp luật và mỗi chế định pháp luật là hệ thống nhỏ hơn gồm các quy phạm pháp luật... Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam được căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh để chia thành các ngành luật cơ bản sau đây.

2.1.1. Ngành Luật nhà nước (còn gọi là luật hiến pháp)

2.1.2. Ngành Luật Hành chính

2.1.3. Ngành Luật Tài chính

2.1.4. Ngành Luật Đất đai

2.1.5. Ngành Luật Dân sự

2.1.6. Ngành Luật lao động

2.1.7. Ngành Luật hôn nhân và gia đình

2.1.8. Ngành Luật hình sự

2.1.9. Ngành Luật tố tụng hình sự

2.1.10. Ngành Luật Tố tụng dân sự

2.1.11. Ngành Luật kinh tế

2.2. Hệ thống pháp luật quốc tế.

Luật pháp quốc tế bao gồm hai bộ phận: *Công pháp quốc tế* và *Tư pháp quốc tế*.

2.3. Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam giai đoạn hiện nay

2.3.1. Thực trạng về tính toàn diện của hệ thống pháp luật

Bên cạnh những mặt làm được, tính toàn diện của hệ thống pháp luật trong giai đoạn hiện nay ở nước ta vẫn còn hạn chế, bất cập, biểu hiện cụ thể là:

2.3.1.1. Việc thực hiện chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng tới năm 2020 còn nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số lĩnh vực mới chưa được ban hành kịp thời.

2.3.1.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn còn tình trạng chưa toàn diện về mặt nội dung.

2.3.2. Thực trạng về tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật

Sau hơn 60 năm hoạt động xây dựng pháp luật và hơn 20 năm đổi mới, đang

từng bước hoàn thiện xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoạt động xây dựng văn bản pháp luật ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu tốt đẹp, đáng khích lệ. Việc xây dựng hệ thống pháp luật dù đã đạt được những thành tựu đáng kể, tuy nhiên vẫn bộc lộ nhiều thiếu sót, tồn tại; nhiều văn bản pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo, không đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, thể hiện:

2.3.2.1. Văn bản pháp luật có nội dung mâu thuẫn, không thống nhất, thiếu đồng bộ.

2.3.2.2. Về hình thức của các văn bản pháp luật vẫn chưa thống nhất đồng bộ

2.3.3. Thực trạng về tính phù hợp (ổn định) của hệ thống pháp luật

- Thực tiễn hệ thống pháp luật trong thời gian qua đã từng bước hoàn thiện phù hợp với trình độ phát triển của kinh tế - xã hội, thể hiện rõ nét ở các lĩnh vực cơ bản: Lĩnh vực dân sự, kinh tế; lĩnh vực khoa học và công nghệ; lĩnh vực tài chính, tài chính công; lĩnh vực lao động và an sinh xã hội:

- Vẫn còn những điểm bất cập như:

+ Pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước trong bản thân nó còn có những "mảng trống". Các nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội, Chính phủ chưa được cụ thể hóa trong các đạo luật, nhất là trong các đạo luật điều chỉnh các lĩnh vực cụ thể như đất đai, xây dựng, ngân hàng, tiền tệ...

+ Lĩnh vực dân sự kinh tế: trong xây dựng pháp luật, những giằng co và lẫn lộn giữa những quan niệm chính trị, ý thức hệ và nguyên tắc pháp lý đã dẫn tới những quy định chưa phù hợp thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên cơ sở xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Trong lĩnh vực lao động và an sinh xã hội: thể chế đảm bảo tính công bằng xã hội trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được hoàn thiện.

+ Lĩnh vực khoa học và công nghệ: pháp luật về khoa học và công nghệ chưa tạo ra đầy đủ cơ chế chính sách về sự gắn kết có hiệu quả giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất, kinh doanh; hiệu quả ứng dụng các công trình khoa học thấp; thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ.

+ Pháp luật trong lĩnh vực tài chính, tài chính công: chưa có cơ chế đảm bảo vai trò độc lập của Ngân hàng Nhà nước; Luật ngân hàng Nhà nước chưa có các

thiết chế đủ mạnh để ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực của Chính phủ đối với các quyết định của Ngân hàng nhà nước, ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ quốc gia. Các cơ chế kiểm soát các khoản vay nợ nước ngoài và chi tiêu ngoài ngân sách còn thiếu hiệu quả, trên thực tế, Chính phủ bảo lãnh cho nhiều doanh nghiệp nhà nước vay vốn (ví dụ, Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam)...

2.3.4. Thực trạng về tính áp dụng pháp luật

Hiện nay, trong quá trình áp dụng pháp luật tuy đã có nhiều tiến bộ song cũng còn không ít tồn tại, hạn chế. Để đánh giá tồn tại, hạn chế trong thực trạng áp dụng pháp luật hiện nay, cần đánh giá trên các lĩnh vực chủ yếu và những nội dung cơ bản, cụ thể:

- Áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hình sự

+ Áp dụng luật hình sự khi định tội danh đối với các tội xâm phạm tính mạng của con người.

+ Áp dụng pháp luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các tội xâm phạm tính mạng của con người.

- Áp dụng pháp luật trong xử phạt vi phạm hành chính: hiện nay, các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính còn bộc lộ một số hạn chế: Về thẩm quyền xử phạt và về thủ tục xử phạt.

- Áp dụng pháp luật trong lĩnh vực dân sự, thương mại cũng còn nhiều bất cập như: việc áp dụng Điều 677, điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 về vấn đề thừa kế.. Việc áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp thương mại tại tòa án.

2.3.5. Nguyên nhân của thực trạng

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về tính thống nhất và đồng bộ còn chưa đầy đủ và thống nhất, cụ thể:

Một là, pháp luật quy định chức năng nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước chưa rõ ràng, thậm chí còn chồng chéo.

Hai là, trong các văn bản pháp luật hiện nay tính thống nhất và đồng bộ chưa được quy định cụ thể cho nên xảy ra tình trạng các chủ thể trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như trong quá trình kiểm tra xử lý văn bản quy phạm pháp luật vi phạm không biết dựa vào những tiêu chí nào để xác định một văn bản quy phạm pháp luật có đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ hay không dẫn tới có nhiều cách để hiểu tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và từ đó cách xử lý cùng một văn bản vi phạm cũng khác nhau.

Thứ hai, còn nhiều bất cập trong quá trình xây dựng ban hành văn bản pháp luật, biểu hiện:

- Việc soạn thảo văn bản còn tùy tiện do luật, pháp lệnh không quy định chi tiết, chủ yếu là " luật khung".

- Trong quá trình soạn thảo văn bản, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở trung ương chưa áp dụng kỹ thuật lập pháp "luật sửa nhiều luật" trong việc sửa đổi, bổ sung văn bản.

- Một nguyên nhân nữa dẫn đến tình trạng văn bản pháp luật thiếu thống nhất và đồng bộ đó là do trong quá trình soạn thảo văn bản pháp luật "*thiếu phương pháp soạn thảo văn bản hợp nhất và kỹ thuật pháp điển hóa trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản*".

Thứ ba, về đội ngũ cán bộ thực hiện công tác xây dựng và ban hành văn bản pháp luật

Thứ tư, về công tác rà soát, hệ thống hóa pháp luật và xử lý văn bản pháp luật

Thứ năm, cơ chế huy động trí tuệ của nhân dân, xã hội vào công tác xây dựng pháp luật cũng như cơ chế bảo đảm sự kiểm tra, giám sát của người dân, xã hội đối với công tác thi hành pháp luật chưa phát huy hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Một số dự báo tình hình kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật giai đoạn 2011 - 2020

3.1.1. Tình hình thế giới

- Hiện nay, cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính và suy thoái toàn cầu sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta.

- Vị thế của Châu Á, nhất là Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới đang tăng lên.

- Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học, công nghệ và sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.

3.1.2. Tình hình trong nước

- Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 25 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010 đã tạo ra sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển kinh tế đất nước.

- Sự ổn định về chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc cho sự phát triển.

- Trong bối cảnh ấy, Đảng và Nhà nước ta xác định mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phấn đấu đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại có trình độ phát triển trung bình; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao, tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

- Các định hướng phát triển cơ bản giai đoạn này là: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

- Từ một số dự báo tình hình kinh tế - xã hội trong nước và thế giới ảnh hưởng đến định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.

3.2. Một số định hướng và giải pháp tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền trong giai đoạn hiện nay

3.2.1. Định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

3.2.1.1. Một số giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật đáp ứng yêu cầu tính toàn diện, tính đồng bộ và thống nhất, tính phù hợp của pháp luật

Giải pháp 1: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật kinh tế, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu nhà nước theo hướng tách bạch vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế - xã hội và vai trò chủ sở hữu tài sản.

- Hoàn thiện pháp luật về gia nhập thị trường và rút lui khỏi thị trường theo hướng đảm bảo quyền tự do kinh doanh.

- Tạo lập môi trường pháp lý cho cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, phù hợp với nguyên tắc của WTO và các cam kết quốc tế khác.

- Cần hoàn thiện pháp luật kinh tế trên các lĩnh vực: thị trường; về các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô; trên cơ sở hoàn thiện chế độ sở hữu đối với đất đai; tạo nền tảng pháp lý cho việc thực hiện chính sách nông nghiệp, nông dân và nông thôn, thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật về môi trường; sửa đổi, bổ sung pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; thể chế tài chính công; thể chế kinh tế công, tập trung vào việc định chuẩn, bảo vệ vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường.

Giải pháp 2: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân vì dân

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức và thể chế hóa các quan điểm của Đảng về nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước trong Hiến pháp và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước: hoàn thiện mô hình tổ chức các cơ quan thực hiện chức năng quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo các nguyên tắc tổ chức quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; dựa trên nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động của Chính phủ: nghiên cứu để xác định rõ và luật hóa vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách

nhiệm cá nhân của mỗi thành viên Chính phủ; cải cách thể chế về tổ chức, cán bộ đồng bộ với cải cách thủ tục hành chính; Chính phủ tăng cường thực thi cơ chế hậu kiểm, vừa đảm bảo tính chủ động cho chính quyền địa phương; tăng cường tính công khai và minh bạch chính sách tài chính công, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về công chức, công vụ.

Giải pháp 3: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân

- Tiếp tục luật hóa các quyền hiến định của công dân.

- Hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các nhóm chủ thể đặc thù như người khuyết tật, người chuyển đổi giới tính, đồng tính, lưỡng tính.

- Hoàn thiện pháp luật về quyền giám sát của các cơ quan dân cử, quyền trực tiếp giám sát, kiểm tra của công dân đối với các hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức; mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của Nhà nước.

- Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của công dân.

Giải pháp 4: Hoàn thiện pháp luật về giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, thông tin, thể thao, dân tộc, tôn giáo, dân số, gia đình, trẻ em và chính sách xã hội

- Tiếp tục thể chế hóa quan điểm phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

- Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện chính sách hỗ trợ cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học.

- Hoàn thiện pháp luật về khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm khắc phục những hạn chế, chồng chéo.

- Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân tộc, tôn giáo.

- Hoàn thiện pháp luật về văn hóa, thông tin, truyền thông.

- Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về y tế, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động, an sinh xã hội.

Giải pháp 5: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quốc phòng, an ninh quốc

gia, trật tự, an toàn xã hội

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi một số điều trong Hiến pháp 1992 liên quan đến lĩnh vực quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc...

- Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về an ninh, lĩnh vực quốc phòng.

- Hoàn thiện pháp luật về giao thông vận tải.

- Hoàn thiện pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật tổ tụng hình sự.

Giải pháp 6: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế

- Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp và giải quyết tranh chấp kinh tế (trọng tài, hòa giải thương mại...) phù hợp với pháp luật và tập quán thương mại quốc tế.

- Tiếp tục ký kết và gia nhập các công ước quốc tế về chống khủng bố quốc tế, chống tội phạm, chống rửa tiền, chống tham nhũng....

3.2.1.2. Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng pháp luật

Giải pháp 1: Đổi mới việc lập và thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

- Đổi mới tư duy lập và thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

- Việc lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa việc lập dự kiến xây dựng luật, pháp lệnh và lập dự kiến xây dựng nghị quyết, nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành luật.

- Cần coi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh cũng như một dự án luật để đầu tư kinh phí thỏa đáng.

- Tăng cường kỷ luật trong việc xây dựng và thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Giải pháp 2: Hoàn thiện pháp luật về đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật

- Cần hợp nhất 02 Luật ban hành văn bản quy phạm hiện hành (của trung ương và địa phương).

- Nghiên cứu việc giao cho Tòa án nhân dân tối cao quyền hạn và trách

nhiệm giải thích pháp luật, phát triển án lệ và tăng cường việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật.

Giải pháp 3: Tăng cường các điều kiện bảo đảm xây dựng pháp luật

- Cần đổi mới cơ chế phân bổ kinh phí cho xây dựng pháp luật.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Củng cố các cơ quan giúp việc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong việc xây dựng văn bản pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Tăng cường hơn nữa việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình xây dựng văn bản.

3.2.2. Định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu tính áp dụng của hệ thống pháp luật

3.2.2.1. Nâng cao chất lượng và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong quá trình áp dụng pháp luật

Thứ nhất, phát triển hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác pháp luật.

Thứ hai, đẩy mạnh việc xét và giải quyết kháng cáo và khiếu nại, tố cáo

3.2.2.2. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ và thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường năng lực tiếp cận của nhân dân đối với hệ thống pháp luật

- Xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trong tình hình mới.

- Sử dụng có hiệu quả và sáng tạo các hình thức, biện pháp và phương tiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Trong thời gian tới, cần có sự đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3.2.2.3. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và áp dụng pháp luật, xử lý nghiêm minh mọi vi phạm pháp luật.

3.2.2.4. Củng cố các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác để hỗ trợ cho pháp luật (các công cụ như: đạo đức, tập quán, tín điều tôn giáo... tham gia quản lý xã hội).

KẾT LUẬN

Như vậy, xuất phát từ lý luận và thực tiễn pháp luật Việt Nam, từ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giai đoạn hiện nay, một lần nữa chúng ta thấy được việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam để đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay là quan trọng, cấp thiết. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng thuộc trách nhiệm của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay phải dựa trên việc đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật của chúng ta trên các yêu cầu về tính toàn diện, tính thống nhất và đồng bộ, tính phù hợp, tính áp dụng của pháp luật... Luận văn xác định được: hệ thống pháp luật của chúng ta, bên cạnh những ưu điểm còn có không ít những hạn chế, bất cập cần phải từng bước khắc phục, tiêu biểu như: vẫn còn những quan hệ xã hội chưa có pháp luật điều chỉnh một cách kịp thời, chưa toàn diện về mặt nội dung, một số văn bản pháp luật có nội dung mâu thuẫn, không thống nhất, thiếu đồng bộ; về hình thức của văn bản chưa thống nhất, đồng bộ; trong các lĩnh vực (pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, về dân sự và kinh tế, về lao động và an sinh xã hội, lĩnh vực khoa học và công nghệ...) còn có những "mảng trống" chưa đáp ứng hoàn toàn tính phù hợp của pháp luật; việc áp dụng pháp luật trên thực tiễn còn có nhiều khó khăn, vướng mắc. Trong thời gian tới, chúng ta cần phát huy kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm và tiếp tục thực hiện các định hướng trong quá trình tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 đã chỉ ra.

Trên cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam, luận văn đã đưa ra những đề xuất, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay, cụ thể là:

1- Nhất quán quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về tiếp tục xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó quan trọng nhất là hoàn thiện hệ thống pháp luật. Vì vậy, cần xác định rõ tư tưởng chỉ

đạo, định hướng cho hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật với tầm nhìn dài hạn cho giai đoạn 2011 - 2020 và những năm tiếp theo. Đồng thời, lồng ghép các mục tiêu, nội dung, định hướng và giải pháp xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, thể chế hóa các nội dung này vào xây dựng Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII, Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, cải cách tư pháp.

2- Nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp năm 1992 để phục vụ cho quá trình cải cách bộ máy nhà nước và hoàn thiện hệ thống pháp luật giai đoạn 2011-2020. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật kinh tế, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế...

3- Tăng cường và đổi mới công tác lãnh đạo đối với hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Xây dựng cơ chế phối hợp trong công tác xây dựng pháp luật giữa các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các chủ thể khác tham gia vào quy trình lập pháp; tạo điều kiện về cơ chế, có các hình thức thích hợp cho các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia vào quá trình sáng kiến pháp luật và việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4- Tăng cường các điều kiện bảo đảm xây dựng pháp luật: cần đổi mới cơ chế phân bổ kinh phí cho xây dựng pháp luật. Xác định rõ kinh phí đảm bảo xây dựng và hoàn thiện pháp luật là kinh phí đầu tư cơ bản cho hạ tầng pháp lý của nhà nước và xã hội. Kinh phí xây dựng pháp luật phải đủ để đáp ứng một cách thực chất các yêu cầu đổi mới quy trình và nâng cao chất lượng của các dự án, dự thảo pháp luật, nhất là việc đánh giá tác động kinh tế - xã hội của dự thảo văn bản và việc tham vấn, tổ chức lấy ý kiến của nhân dân, đặc biệt là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo văn bản.

5- củng cố, kiện toàn, bổ sung số lượng cán bộ và xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, thi hành pháp luật trên thực tế.

6- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến GDPL nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của nhân dân đối với hệ thống pháp luật. Củng cố các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác (đạo đức, tập quán, tín điều tôn giáo...) để hỗ trợ

cho pháp luật.

Với đề xuất, giải pháp đưa ra, tôi hy vọng luận văn sẽ là tài liệu tham khảo, góp phần vào quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, do trình độ và thời gian có hạn trong khi phạm vi nghiên cứu thực tiễn của luận văn rất rộng, luận văn không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô, các những bạn đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.